

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày : 04/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Tuấn

2. Bà Đặng Thị Hiền Thực

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 325/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

PHẠM ĐÌNH C, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1971 tại Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký thường trú: A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là A, phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Không; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Đình G (Chết) và bà: Đỗ Thị Đ (Chết); Có vợ: Nguyễn Thị Mộng D và 02 con: lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; Nhân thân: Bản án số 81/HSST ngày 22/6/1992 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm các quy định an toàn giao thông vận tải”, Bản án số 343/2011/HSST ngày 28/12/2011 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan: Ông Lê Tấn S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: I, xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 40 phút ngày 24/12/2024, Tổ tuần tra Công an quận Tân Bình tiến hành kiểm tra hành chính đối với Phạm Đình C tại trước K, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là K, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh),

thấy có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc. Tại đây, tiến hành kiểm tra điện thoại di động của C, phát hiện có tin nhắn cho vay tiền nên đã lập biên bản, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình để tiến hành xác minh, điều tra theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, C khai nhận: Do có quen biết với một số người kinh doanh vật liệu xây dựng và người quen ngoài xã hội, C đã cho các đối tượng này vay tiền với lãi suất cao nhằm mục đích kiếm thêm thu nhập, phần lớn các trường hợp không lập hợp đồng vay. Đối với những khách vay không quen biết hoặc do người khác giới thiệu, C yêu cầu lập hợp đồng vay tiền, có công chứng và thỏa thuận mức lãi suất vay cao hơn. C cho nhiều khách vay tiền theo hình thức vay lãi đứng, với mức lãi suất thỏa thuận dao động từ 01% đến 15%/tháng, trong đó 01 tháng được tính tương đương 30 ngày.

Qua điều tra xác định, trong số các khách vay, có trường hợp ông La Tấn S, sinh năm 1966, địa chỉ: I, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, vay tiền của C với mức lãi suất cao nhất là 15%/tháng (Tương đương 180%/năm, cao gấp 09 lần mức lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), cụ thể: Ông S vay của C số tiền 40.000.000 đồng theo hình thức vay lãi đứng, các bên giao dịch trực tiếp bằng tiền mặt, không thông qua tổ chức tín dụng, không lập hợp đồng bằng văn bản.

Từ ngày 05/12/2022 đến ngày 06/02/2023: thỏa thuận mức lãi suất 15%/tháng (Tương đương 180%/năm), tiền lãi 01 tháng là 6.000.000 đồng, đã trả 02 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp được phép thu trong 01 ngày là 21.918 đồng. Số tiền được phép thu trên số ngày thực tế 60 ngày là 1.315.068 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 10.684.932 đồng;

Từ ngày 07/02/2023 đến ngày 08/02/2024: S xin giảm lãi suất còn 10%/tháng (Tương đương 120%/năm), C đồng ý, tiền lãi 01 tháng là 4.000.000 đồng, đã trả 12 tháng tiền lãi là 48.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp được phép thu trong 01 ngày là 21.918 đồng, số tiền được phép thu trên số ngày thực tế 360 ngày là 7.890.480 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 40.109.520 đồng.

Ngày 08/02/2024, S xin tắt toán khoản vay, dùng không đóng lãi nữa và C đồng ý. Đầu tháng 03/2024, S đã trả hết số tiền gốc 40.000.000 đồng cho C.

Tổng cộng C thu lợi bất chính số tiền 50.794.452 đồng.

Ngoài ra, từ năm 2019 đến năm 2024, C đã cho tổng cộng 40 khách khác vay tiền theo với mức lãi suất thỏa thuận dao động từ 01%/tháng đến 08%/tháng (Tương đương từ 12%/năm đến 96%/năm). Trong đó:

Có 19 khách vay đã xác minh được đầy đủ thông tin nhân thân, nơi cư trú và Cơ quan điều tra đã mời làm việc ghi lời khai liên quan đến hành vi cho vay, ghi nhận: khách vay đều thừa nhận việc vay mượn tiền của C đều là tự nguyện, có thỏa thuận rõ ràng về số tiền vay, mức lãi suất, thời hạn vay và phương thức thanh toán. Nội dung lời khai của các khách vay phù hợp, thống nhất với lời khai của C, không có khiếu nại, tố cáo, không yêu cầu xử lý hình sự.

Có 21 khách vay chưa làm việc được, do không xác định được đầy đủ thông tin lai lịch, nơi cư trú thực tế, nhiều trường hợp đã rời khỏi địa phương, bỏ đi nơi khác hoặc không còn sinh sống tại địa chỉ đã cung cấp. Kết quả xác minh tại địa phương không có người cư trú theo thông tin nêu trên. Do đó, Cơ quan điều tra chưa tiến hành mời làm việc ghi lời khai liên quan đến hành vi cho vay được.

Ngày 25/12/2024, tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của C, địa chỉ L, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh), kết quả thu giữ:

- 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 24/10/2019 với Nguyễn Thị Thùy T;
- 01 hợp đồng cho vay vốn ngày 03/11/2022 với Lê Tấn S, số điện thoại: 0963351303;
- 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 02/8/2022 với Phan Văn H;
- 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 13/7/2023 với Đỗ Trung Tuấn P;
- 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 20/7/2022 tên Phan Thanh M;
- 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 01/4/2022 tên Nguyễn Văn N;
- 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 26/7/2022 tên Nguyễn Bá Q;
- 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 22/01/2020 tên Chu Quang C1;
- 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 28/01/2021 tên Triệu Thị M1;

Quá trình điều tra, Phạm Đình C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

- 01 hợp đồng cho vay vốn ngày 03/11/2022 với Lê Tấn S, số điện thoại: 0963351303; 08 Bản sao các hợp đồng cho vay, thu giữ trong quá trình khám xét, cụ thể: 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 24/10/2019 với Nguyễn Thị Thùy T; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 02/8/2022 với Phan Văn H; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 13/7/2023 với Đỗ Trung Tuấn P; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 20/7/2022 tên Phan Thanh M; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 01/4/2022 tên Nguyễn Văn N; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 26/7/2022 tên Nguyễn Bá Q; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày

22/01/2020 tên Chu Quang C1; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 28/01/2021 tên Triệu Thị M1 (Lưu kèm hồ sơ vụ án).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax (Tài sản của Phạm Đình C). Kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại xác định trong ứng dụng Zalo và tin nhắn SMS có nội dung trao đổi liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng;

- 01 xe gắn máy hiệu SH màu trắng, biển số: 59P1- 940.05, số khung: ZDCKF08A06F088186, số máy: KF08E-0068745-KTGE1. Kết quả xác minh ghi nhận ông Phạm Đình C được bà Lê Thị N2 (đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu xe là ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T2 ủy quyền để thực hiện các quyết định liên quan đến xe trên. Kết luận giám định số 4083/KL-KTHS ngày 05/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận số khung, số máy nguyên thủy, không bị đục lại số. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Mộng D theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 27/12/2024;

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS-KV4 ngày 19 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Đình C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Thành phố Hồ Chí Minh nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo: *Phạt tiền từ 70 triệu đến 90 triệu đồng.*

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Đình C, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận từ ngày 05/12/2022 đến ngày 08/02/2024, bị cáo Phạm Đình C đã có hành vi cho ông La Tấn S vay tiền với mức lãi suất cho vay từ 120%-180%/năm, cao gấp 6-9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định, thu lợi bất chính số tiền 50.794.452 đồng, đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân và bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi ích cá nhân mà bị cáo đã cố ý phạm tội, xem thường pháp luật và lợi ích của cộng đồng. Xét nhân thân bị cáo là xấu, bị cáo đã bị kết án nhưng không lấy làm bài học cho bản thân mà lại cố tình phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo phải nộp lại vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội là 40.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm đã thu lợi là 9.205.5548 đồng. Tổng cộng là 49.205.548 (Bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ năm nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

- Đối với số tiền lãi bị cáo thu của ông La Tấn S vượt quá 20%/năm thì cần buộc bị cáo trả lại cho ông S, cụ thể bị cáo phải trả lại cho ông S 50.794.452 đồng. Bị cáo đã trả lại số tiền trên cho ông S.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 hợp đồng cho vay vốn ngày 03/11/2022 với Lê Tấn S, số điện thoại: 0963351303 là chứng cứ của vụ án và có thể lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 08 Bản sao các hợp đồng cho vay, thu giữ trong quá trình khám xét, cụ thể: 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 24/10/2019 với Nguyễn Thị Thùy T; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 02/8/2022 với Phan Văn H; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 13/7/2023 với Đỗ Trung Tuấn P; 01 hợp

đồng vay mượn tiền ngày 20/7/2022 tên Phan Thanh M; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 01/4/2022 tên Nguyễn Văn N; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 26/7/2022 tên Nguyễn Bá Q; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 22/01/2020 tên Chu Quang C1; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 28/01/2021 tên Triệu Thị M1. Xét thấy đây là các giao dịch dân sự cá nhân giữa bị cáo và các khách vay, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Bị cáo đã nhận lại bản chính các hợp đồng trên và không có ý kiến nào khác.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax thu giữ của bị cáo, xét thấy bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội nên tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Phạt tiền bị cáo: Phạm Đình C **70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 49.205.548 (Bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ năm nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Lưu hồ sơ vụ án 01 bản chính hợp đồng cho vay vốn ngày 03/11/2022 với Lê Tấn S, số điện thoại: 0963351303.

- Lưu hồ sơ vụ án: Bản sao các hợp đồng cho vay, cụ thể: 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 24/10/2019 với Nguyễn Thị Thùy T; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 02/8/2022 với Phan Văn H; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 13/7/2023 với Đỗ Trung Tuấn P; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 20/7/2022 tên Phan Thanh M; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 01/4/2022 tên Nguyễn Văn N; 01 hợp đồng vay mượn tiền ngày 26/7/2022 tên Nguyễn Bá Q; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 22/01/2020 tên Chu Quang C1; 01 hợp đồng cho vay vốn kinh doanh ngày 28/01/2021 tên Triệu Thị M1.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Promax.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 125/BB/2026 ngày 22/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh)

[4] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Cơ quan CSĐT CA. TPHCM;
- VKSND KV4-TP. HCM;
- Phòng THADS KV4-TP. HCM;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thiện

